

Số: 521/TTr-UBND

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ
NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2021; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC 03 NĂM 2021-2023; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM 2021-2025**

Kính gửi: HĐND tỉnh Bắc Ninh

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020

Nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2020 được triển khai trong bối cảnh nền kinh tế vừa chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa chịu tác động của thiên tai; hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, gián đoạn, nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể, dừng hoạt động. UBND tỉnh đã triển khai nhiều chính sách do Quốc hội, Chính phủ ban hành để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân nhưng kinh tế vẫn tăng trưởng rất thấp, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thu, chi ngân sách. Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội, kết quả thu, chi NSNN 10 tháng, Ban Cán sự UBND tỉnh báo cáo đánh giá kết quả ước thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2020 như sau:

I. THU NGÂN SÁCH

Dự toán thu NSNN trên địa bàn là 29.326 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm đạt 29.792 tỷ đồng, bằng 101,6% dự toán, bằng 98% so với thực hiện năm 2019.

1. Dự toán thu nội địa là 22.756 tỷ đồng, ước thực hiện 23.535 tỷ đồng, bằng 103,4% dự toán, bằng 96,7% so với thực hiện năm 2019. Cụ thể như sau:

- Khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương 1.370 tỷ đồng, đạt 94,5% dự toán, bằng 97,3% so với thực hiện năm 2019. Các doanh nghiệp có số thu giảm nhiều là Công ty TNHH MTV thuốc lá Bắc Sơn do giảm sản lượng thuốc lá Vinataba Tổng công ty giao; Nhà máy sữa Tiên Sơn của Công ty CP Vinamilk, chương trình sữa học đường gián đoạn do học sinh nghỉ phòng chống dịch Covid-19; Chi nhánh Cồn rượu Hà Nội lượng tiêu thụ sản phẩm giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19;

- Khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương 75 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, bằng 96,6% so với thực hiện năm 2019;

- Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 8.500 tỷ đồng, đạt 90,4% dự toán, bằng 95,1 % so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân giảm so với cùng kỳ do do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, chuỗi cung ứng hàng hóa và thị

trường xuất nhập khẩu gián đoạn; đồng thời do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn đang diễn ra, hiện nay Tập đoàn Samsung đang giảm lớn về thị phần trên toàn cầu do sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng điện thoại giá rẻ do Trung Quốc sản xuất như Huawei, Oppo, Xiaomi.

- Khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh 2.700 tỷ đồng, đạt 85,7% dự toán, bằng 98,5% so với thực hiện năm 2019: Nguyên nhân giảm thu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ đã tác động đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh rượu, bia, sữa, may mặc, vận tải, du lịch, khách sạn, ăn uống (điển hình như Công ty bia và nước giải khát Việt Hà, Công ty đường Man, Công ty bia và nước giải khát Hòa Bình, Nhà máy sữa VinaSoy). Nhiều doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đã ngừng hoạt động, chờ giải thể... một số doanh nghiệp như kinh doanh bất động sản, gỗ, giấy vẫn tiếp tục gặp khó khăn về tài chính và hàng tồn kho lớn.

- Thuế thu nhập cá nhân 3.100 tỷ đồng, đạt 93,9% dự toán, bằng 94,6% so với thực hiện năm 2019 do các dự án của Tập đoàn Samsung và vệ tinh đã hoàn thành xây dựng nhà máy đi vào sản xuất ổn định nên số chuyên gia cao cấp giảm mạnh do đã về nước. Mặt khác do khó khăn về thị trường, một số doanh nghiệp công nghiệp FDI quy mô lớn đã điều chỉnh giảm kế hoạch sản xuất, lao động phải làm việc luân phiên, một số chuyên gia quản lý chưa sang Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thực hiện Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh thuế thu nhập cá nhân.

- Thu tiền sử dụng đất 5.500 tỷ đồng, đạt 171,9% dự toán, bằng 98,3% so với thực hiện năm 2019: Số thu tiền sử dụng đất chủ yếu là tiền đầu giá thành công các dự án của địa bàn TP Bắc Ninh, TX Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành và các dự án đầu tư theo hình thức BT;

- Thu Lệ phí trước bạ 570 tỷ đồng, đạt 90,5% dự toán, bằng 90,6% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân giảm thu do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, lượng ô tô đăng ký giảm gần 50% so với cùng kỳ; mặt khác Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020 của Chính phủ quy định giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020;

- Thuế bảo vệ môi trường 880 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, bằng 90,9% so với thực hiện năm 2019: Nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa đều giảm dẫn đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu bán buôn của Công ty TNHH Hải Linh sụt giảm khoảng 15%.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thực hiện 6.257 tỷ đồng, bằng 95,2% dự toán, bằng 103,8% so với thực hiện năm 2019 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm gián đoạn hoạt động thương mại quốc tế.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSDP ước thực hiện cả năm 23.114 tỷ đồng bằng 119,3% dự toán, trong đó:

1. Chi nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu của trung ương ước thực hiện 617 tỷ đồng, bằng 134% dự toán do trung ương đã bổ sung kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu phi còn thiếu năm 2019, hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid, kinh phí bổ sung để thực hiện ghi thu ghi chi dự án nước sạch.

2. Chi cân đối NSDP ước thực hiện cả năm 22.496 tỷ đồng, đạt 118,9% dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển (không bao gồm vốn ODA, vốn BSMT của trung ương): 11.079 tỷ đồng, bằng 191,7% so với dự toán. Chi đầu tư cao do chi tăng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất 2.300 tỷ đồng; nguồn năm 2019 chuyển sang, bổ sung chi đầu tư từ nguồn dự phòng, nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2020.

- Chi thường xuyên 9.356 tỷ đồng đạt 94,3% dự toán. Chi thường xuyên giảm so với dự toán do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thể thao, văn hóa không thực hiện; các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên, cắt giảm 70% chi tiêu hội nghị, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp bách; một số nội dung chưa phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách cũng được cắt giảm để xử lý hụt thu ngân sách.

3. Chi trả nợ lãi vay: 18,3 tỷ đồng;

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng;

5. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 2.042 tỷ đồng, đạt 75,2%, giảm 672 tỷ đồng do hụt thu điều tiết.

(Phụ lục số 03 kèm theo)

III. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

1. Nhận xét về thu NSNN trên địa bàn

Tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kết hợp với việc thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dân đã làm giảm nguồn thu ngân sách.

a) Về thu NSNN trên địa bàn đạt 98,2% dự toán, giảm 541 tỷ đồng; số thu tại tất cả các khu vực kinh tế đều giảm so với cùng kỳ năm 2019:

- Thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và XSKT là 18.014 tỷ đồng, đạt 92,2% dự toán, hụt 1.526 tỷ đồng; mức giảm đối với các khu vực kinh tế và một số khoản thu lớn như sau: khu vực DNNN trung ương 80 tỷ đồng; khu vực vốn đầu tư nước ngoài 900 tỷ đồng; khu vực ngoài quốc doanh 450 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân 200 tỷ đồng; lệ phí trước bạ giảm 60 tỷ đồng;

- Thu tiền sử dụng đất tăng 2.300 tỷ đồng;

- Thu hải quan hụt 313 tỷ đồng.

b) Thu điều tiết ngân sách địa phương không kể tiền sử dụng đất và XSKT dự kiến hụt 1.254 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách cấp tỉnh hụt 854 tỷ đồng;

+ Ngân sách cấp huyện hụt 400 tỷ đồng (các khoản tỉnh thu hụt 266 tỷ đồng, huyện thu hụt 134 tỷ đồng). Ngoài huyện Gia Bình và Lương Tài, các địa phương khác đều hụt thu, trong đó có một số địa phương có thể hụt thu điều tiết lớn như: Thành phố Bắc Ninh, huyện Quế Võ, huyện Tiên Du;

+ Thu điều tiết ngân sách cấp xã về tổng thể thì không hụt so với dự toán nhưng số tăng thu ở xã này không điều hòa được cho xã khác, do vậy có 28 đơn vị cấp xã dự kiến hụt khoảng 90 tỷ đồng (các khoản tỉnh thu hụt 54 tỷ đồng, huyện thu hụt 36 tỷ đồng).

2. Nhận xét về chi ngân sách địa phương

- Mặc dù số thu NSNN giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng do có số thu năm trước chuyển sang và chủ động phương án sắp xếp, điều hành nhiệm vụ chi nên ngân sách các cấp đều bảo đảm nguồn để đáp ứng nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo kế hoạch; phòng chống dịch covid - 19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP; bố trí đủ kinh phí để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9.4.2020 của Chính Phủ;

- Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho tỉnh Bắc Ninh sử dụng 2.000 tỷ đồng nguồn cải cách tiền lương còn dư để bổ sung vốn đầu tư XDCHB;

- Tình hình dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp, nhu cầu kinh phí phòng, chống dịch lớn nên phải cắt giảm, giãn, hoãn một số nhiệm vụ chi dành kinh phí phục vụ công tác chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn;

- Nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư XDCHB (bao gồm cả các dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và công trình hạ tầng nông thôn) rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn chế;

- Một số huyện bị hụt thu lớn, ảnh hưởng đến cân đối chi ngân sách.

IV. NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CÒN LẠI

1. Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh đầu năm là 352,9 tỷ đồng; kinh phí sử dụng đến hết 20.11.2020 là 152,8 tỷ đồng; nguồn còn lại: 200,1 tỷ đồng (*Chi tiết theo biểu số 4a kèm theo*);

2. Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh: Số dư đầu năm 2020 là 3.797 tỷ; đã phân bổ trong năm 2020 là 1.430 tỷ đồng (trong đó phân bổ từ ngày 01/7/2020 là 1.412,6 tỷ đồng); Còn dư đến 20/11/2020 là 2.368 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 4b kèm theo*);

3. Nguồn dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ: Dự toán năm 2020 là 2.119 tỷ đồng, nguồn năm 2019 chuyển sang là 937 tỷ đồng; đã phân bổ trong quá trình điều hành ngân sách 1.773 tỷ đồng (trong đó phân bổ từ ngày 01/7/2020 là 435 tỷ đồng); còn lại là 1.283 tỷ đồng. (*Chi tiết theo phụ lục số 4c kèm theo*);

4. Nguồn thu hồi dự toán của các đơn vị số tiền 349,5 tỷ đồng, trong đó thu hồi của các đơn vị từ ngày 01/7/2020 là 333 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục số 4d kèm theo*);

5. Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu: Dự toán trung ương giao đầu năm 2020 là 453 tỷ đồng (không bao gồm vốn nước ngoài 6,45 tỷ đồng); NSTW bổ sung trong năm là 72 tỷ đồng; đã phân bổ đến 20/11/2020 là 476,5 tỷ đồng (trong đó phân bổ từ 01/7/2020 là 291 tỷ đồng); Còn lại 48,5 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 4e kèm theo*);

VI. TÌNH HÌNH VAY NỢ CỦA NGÂN SÁCH TỈNH

Tổng dư nợ của NSĐP tính đến hết năm 2020 còn 189,5 tỷ đồng, vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn 8 tỉnh Đồng bằng Sông Hồng.

VII. PHƯƠNG ÁN, NHIỆM VỤ ĐIỀU HÀNH XỬ LÝ NGÂN SÁCH CUỐI NĂM

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

1.1. Tập trung rà soát các đối tượng hết thời gian gia hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP để đôn đốc các đối tượng kịp thời nộp các khoản thuế đến hạn vào NSNN; kiểm tra, phát hiện những nhân tố mới, những khu vực kinh tế còn dư địa nguồn thu để bù đắp cho các khoản hụt thu so với dự toán;

1.2. Thực hiện ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường GPMB của các doanh nghiệp thuê đất, số tiền 8.253 triệu đồng;

1.3. Cục Thuế, Cục Hải quan tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác quản lý thu NSNN, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá, trốn thuế đặc biệt là công tác thu hồi nợ, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch thu ngân sách;

2. Chi ngân sách địa phương

2.1. Đẩy nhanh giải ngân 2.000 tỷ đồng nguồn cải cách tiền lương được Thủ tướng Chính Phủ cho phép bổ sung vốn đầu tư XD CB và vốn được phân bổ năm 2020; đối với các dự án đã hoàn thành, chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt quyết toán dự án.

2.2. Các cấp, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách khẩn trương triển khai các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Về xử lý hụt thu, cân đối ngân sách địa phương cuối năm

3.1. Về xử lý hụt thu năm 2020:

a) Ngân sách cấp tỉnh hụt thu 854 tỷ đồng, giảm chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ 50% tăng thu dự toán năm 2020 so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định là 427 tỷ đồng, còn phải xử lý 427 tỷ đồng.

- Sử dụng nguồn thu hồi dự toán một số nhiệm vụ không thực hiện: 347 tỷ đồng;

- Giảm một số nội dung chi trong dự toán 2020 chưa phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách là 80 tỷ đồng để cân đối ngân sách.

b) Ngân sách huyện, xã hụt thu 400 tỷ đồng, ngoài ra, còn các địa phương hụt thu cục bộ là 90 tỷ đồng (địa phương tăng thu không điều hòa được cho địa phương hụt thu), tổng số hụt là 490 tỷ đồng. Trong đó các khoản ngoài quốc doanh tỉnh thu là 312 tỷ đồng, xử lý như sau:

- Giảm chi tạo nguồn cải cách tiền lương 50% là 245 tỷ đồng;
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% hụt thu điều tiết các khoản ngoài quốc doanh tỉnh thu 156 tỷ: Các địa phương có số hụt thu lớn, UBND tỉnh tạm cấp kinh phí để xử lý cân đối, kết thúc năm ngân sách sẽ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh mức hỗ trợ cụ thể.
- Còn lại 89 tỷ các huyện, thành phố thị xã xử lý bằng các nguồn tại chỗ: nguồn tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2020, cắt giảm 70% chi tiêu hội nghị năm 2020 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ; nguồn dự phòng; sử dụng tăng thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư đã cân đối trong dự toán đầu năm.

3.2. Xử lý nguồn còn lại năm 2020

a) Nguồn còn lại năm 2020 (chi tiết theo biểu số 4f) gồm:

- Nguồn dự toán chưa phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách (sau khi đã trừ phần xử lý hụt thu ngân sách cấp tỉnh 80 tỷ đồng) là 1.203 tỷ đồng;
- Các khoản ngân sách trung ương hỗ trợ phòng chống dịch tả lợn Châu Phi, hỗ trợ các đối tượng khó khăn do ảnh hưởng dịch covid 19: Ngân sách địa phương đã ứng trước để chi cho cả phần thuộc trách nhiệm ngân sách trung ương hỗ trợ nên số tiền này được thu hồi hoàn trả NSDP 48,5 tỷ đồng;
- Nguồn dự phòng ngân sách 200,1 tỷ đồng.

b) Nhu cầu bổ sung, điều chỉnh cho các đơn vị cuối năm:

- Bổ sung cho các huyện, thành phố thị xã xử lý hụt thu 156 tỷ và thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh, nhiệm vụ giao đầu năm nhưng thiếu kinh phí 196 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 4g; 4h kèm theo*);
- Bổ sung cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh: 19,2 tỷ đồng
- Điều chỉnh kinh phí thực hiện chương trình cho vay phát triển trang trại, cho vay hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp, Phụ nữ khởi nghiệp để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách, số tiền: 30 tỷ đồng

c) Lập phương án tiết kiệm chi

Nguồn còn lại được tiết kiệm chi để chuyển nguồn sang năm 2021. Trong đó, nguồn thuộc lĩnh vực chỉ tiêu pháp lệnh (sự nghiệp khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường) tiếp tục bố trí cho các nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo chỉ tiêu trung ương giao; các nguồn khác để bổ sung vốn đầu tư XD CB trả nợ công trình quyết toán, hỗ trợ các huyện trả nợ quyết toán công trình HTNT.

(Chi tiết theo phụ lục số 04f kèm theo)

Phần thứ hai
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2021

A. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

I. VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU

Năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, phân cấp quản lý ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2017-2020; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; tỷ lệ điều tiết thực hiện theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa chính quyền các cấp thuộc tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2017-2020, nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019 và nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2018.

Đối với các trạm bơm do điều chỉnh phân cấp công trình thủy lợi từ cấp xã về tỉnh theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh nên kinh phí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ này của các địa phương sẽ được điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

1. Dự toán chi ĐTPT

a) Nguồn thu tiền sử dụng đất 3.500 tỷ đồng, trong đó đất đối ứng các dự án BT 850 tỷ đồng; còn lại là các dự án đấu giá, dân cư dịch vụ ... được phân chia theo tỷ lệ điều tiết để đầu tư hạ tầng kỹ thuật của các dự án giao đất; đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị quyết của Quốc hội và phân bổ chi đầu tư XD CB.

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết 17 tỷ đồng phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính.

c) Nguồn chi đầu tư XD CB bằng nguồn vốn trong nước 2.140 tỷ đồng được bố trí trả nợ vay đến hạn 7,4 tỷ đồng, còn lại phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính. Trong đó phân bổ cho ngân sách cấp huyện theo phân cấp 200 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn 190 tỷ đồng;

d) Nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại 15 tỷ đồng thực hiện Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;

e) Đối với công tác lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

g) Nguồn thu điều tiết trong cân đối lớn hơn nhu cầu chi thường xuyên của ngân sách cấp xã 182 tỷ đồng để thực chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn;

h) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sử dụng nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn bổ sung mục tiêu theo tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho các huyện, thị xã, thành phố để phân bổ cho các công trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện và bổ sung có mục tiêu cho cấp xã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn theo chính sách của HĐND tỉnh;

i) Sử dụng vốn sự nghiệp để nâng cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; thực hiện một số dự án thuộc đề án thành phố thông minh, chính quyền điện tử; xây dựng bể bơi trong các trường học. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ theo tiến độ thực hiện báo cáo UBND tỉnh bổ sung vốn đầu tư XDCB để phân bổ cho dự án;

k) Giao cơ quan Tài chính phối hợp với cơ quan Thuế, Tài nguyên Môi trường thực hiện việc ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường GPMB của các doanh nghiệp thuê đất, số tiền 40,3 tỷ đồng; ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi dự án đầu tư theo hình thức BT 850 tỷ đồng theo tiến độ thực hiện; ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi bồi thường GPMB, đầu tư hạ tầng dự án đấu giá quyền sử dụng đất, dự án đối ứng dự án đầu tư theo hình thức BT khi được phê duyệt quyết toán.

2. Dự toán chi thường xuyên:

a) Cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành. Chỉ tiêu biên chế theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết 24/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh;

- Xây dựng dự toán kinh phí không tự chủ theo các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành đảm bảo đúng đối tượng, chế độ, định mức chi NSNN, phù hợp tiến độ, lộ trình thực hiện.

b) Dự toán chi của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Xây dựng trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản), tăng giá học phí theo quy định của pháp luật;

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo: giao các sở phối hợp với Sở Tài chính xây dựng tiêu thức để phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phù hợp với quy định hiện hành.

c) Kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2021:

- Phân bổ 70% cho Công an tỉnh Bắc Ninh để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2021 theo chức năng nhiệm vụ được giao, bao gồm cả chi phục vụ hoạt động “phạt nguội” đối với các trường hợp vi phạm bị phát hiện qua hệ thống Camera giao thông;

- Phân bổ 30% cho các huyện, thành phố thị xã, mức phân bổ theo tỷ lệ 70% số thu phạt an toàn giao thông của các đơn vị đã nộp vào ngân sách nhà nước năm 2019; còn lại phân bổ cho Ban An toàn giao thông tỉnh.

d) Bố trí nguồn để chi nhiệm vụ chung:

- Bố trí kinh phí chi phục vụ công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp 75 tỷ đồng, khi có kế hoạch, phân công nhiệm vụ sẽ phân bổ chi tiết;

- Một số đề án HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp tháng 12 năm 2020 như chính sách xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề; đề án tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học ...; một số chính sách đã ban hành nhưng kế hoạch triển khai của các ngành chưa đủ cơ sở thẩm định dự toán để phân bổ chi tiết được bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung; căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chế độ chi và điều kiện thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí để tổ chức thực hiện, báo cáo HĐND tỉnh vào kỳ họp gần nhất;

- Một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm 2021 nhưng chưa có kế hoạch chi tiết sẽ bố trí nguồn để chi nhiệm vụ chung, khi có kế hoạch chi tiết UBND tỉnh thực hiện phân bổ đến đơn vị theo nhiệm vụ được giao như diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ...

e) Bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án của Công an tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương hỗ trợ, Bộ Công an phê duyệt đề án gồm: Đề án Mua trang bị vật tư, phương tiện cho lực lượng Công an xã 20 tỷ đồng; đề án mua sắm trang thiết bị phương tiện kỹ thuật hình sự 40 tỷ đồng từ nguồn chi sự nghiệp an ninh của NSDP;

f) Các huyện, thành phố, thị xã: Trên cơ sở các nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý ngân sách, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và số thu

điều tiết ngân sách được hưởng, chủ động xây dựng dự toán chi đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương. Trong đó lưu ý các nhiệm vụ như khoán hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại xã, thôn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng chống bạo lực gia đình; kinh phí xây dựng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO; kinh phí Ban Thanh tra nhân dân; chi bảo vệ, phát triển đất trồng lúa ... các nhiệm vụ khác theo phân cấp tại các văn bản quy định nội dung chi cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo mà các văn bản đó không phải do chính sách mới ban hành kèm theo mức chi cụ thể.

- Một số nội dung chi liên quan đến số đối tượng tham gia và một số nhiệm vụ không thường xuyên chưa có trong định mức, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu để các huyện, thành phố thực hiện như: kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo; kinh phí chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế; chi phụ cấp và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ ...

- Một số lĩnh vực không có định mức phân bổ dự toán cố định như chi sự nghiệp giáo dục phụ thuộc quỹ lương; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường phụ thuộc khối lượng rác thải cần vận chuyển, xử lý được xác định theo quỹ lương, khối lượng công việc theo đề án, kế hoạch được phê duyệt;

- Hỗ trợ thêm mức chi khác của sự nghiệp giáo dục cho các địa phương đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học;

- Hỗ trợ các địa phương nâng cấp đô thị theo định mức phân bổ của trung ương và thực tế ở địa phương;

- Bố trí kinh phí đối với một số đề án do tỉnh ban hành: Trong dự toán năm 2021 đã bố trí dự toán để triển khai thực hiện một số đề án tỉnh đã ban hành như: hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng; đề án sửa học đường; thực hiện chính sách trường trọng điểm; kinh phí hợp đồng cho giáo viên và nhân viên nấu ăn theo Công văn số 122/TT.HĐND ngày 06.11.2020 của Thường trực HĐND tỉnh; Kinh phí khai thác, sử dụng bể bơi; Hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Hỗ trợ làng quan họ gốc, làng quan họ thực hành; Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng HTNT; Cải tạo nhà vệ sinh trong trường học ...

g) Bố trí kinh phí bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước, ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay

- Bố trí 10 tỷ đồng bổ sung cho Quỹ hỗ trợ Nông dân tăng nguồn vốn cho vay;

- Bố trí 50 tỷ đồng kinh ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội vay theo quy định;

- Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp đến hết năm 2019 đã cấp là 130 tỷ đồng, gồm: chương trình thanh niên khởi nghiệp 60 tỷ đồng,

phụ nữ khởi nghiệp 70 tỷ đồng. Do quy mô nguồn vốn lớn, đối tượng cho vay rộng nên tạm dừng việc cấp vốn từ năm 2020 để đánh giá hiệu quả và rà soát các văn bản quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý.

3. Các nội dung khác như dự phòng ngân sách, chi tạo nguồn cải cách tiền lương, trích quỹ dự trữ tài chính ... thực hiện theo đúng chỉ tiêu trung ương giao.

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

I. THU NGÂN SÁCH

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 27.839 tỷ đồng, bằng dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, bằng 95%, giảm 1.487 tỷ đồng so với dự toán năm 2020:

a) Thu nội địa: 22.319 tỷ đồng, bằng 98,1% %, giảm 437 tỷ đồng so dự toán năm 2020, trong đó:

- Các khoản thuế, phí là 18.802 tỷ đồng, bằng 96%, **giảm 738 tỷ đồng** so với dự toán năm 2020;

- Thu tiền sử dụng đất 3.500 tỷ đồng; tăng 300 tỷ đồng so với dự toán năm 2020;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 5.520 tỷ đồng; bằng 84%, giảm 1.050 tỷ đồng so với dự toán năm 2020.

2. Thu ngân sách địa phương 19.055 tỷ đồng (không bao gồm thu vay 15 tỷ đồng), giảm 486 tỷ đồng so với dự toán năm 2020;

- Thu điều tiết ngân sách địa phương được hưởng là 18.692 tỷ đồng. Trong đó thu điều tiết không bao gồm tiền sử dụng đất và XSKT 15.175 tỷ đồng, **giảm 691 tỷ đồng** so với dự toán năm 2020;

- Thu từ các khoản trung ương bổ sung có mục tiêu là 363,2 tỷ đồng.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 là 19.055,8 tỷ đồng; giảm 319,6 tỷ đồng so với dự toán năm 2020:

1. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của trung ương: 363,2 tỷ đồng;

2. Chi cân đối ngân sách địa phương 18.692,6 tỷ đồng:

a) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng

b) Dự phòng ngân sách: 373,8 tỷ đồng;

c) Chi đầu tư phát triển 5.886 tỷ đồng, tăng 228,7 tỷ đồng so với số trung ương giao, cụ thể:

- Tăng 221,1 tỷ đồng từ nguồn thu ngân sách cấp huyện, xã lớn hơn dự toán chi thường xuyên.

- Tăng chi từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại 15 tỷ đồng;

- Giảm 7,4 tỷ đồng để trả nợ gốc.

d) Chi thường xuyên: 10.086,3 tỷ đồng, chênh lệch giảm so với số trung ương giao là 228,5 tỷ đồng (trong đó: tăng chi đầu tư XD CB ngân sách cấp huyện, cấp xã 221,1 tỷ đồng);

e) Trả lãi vay 8,3 tỷ đồng;

g) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.337 tỷ đồng.

(Biểu chi NSDP theo phụ lục 03, chi thường xuyên cấp tỉnh theo phụ lục số 05 kèm theo).

C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021

1. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển một số ngành, lĩnh vực có mức độ sẵn sàng cao, có tiềm năng và lợi thế làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên so với các địa phương trong nước. Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp cơ bản, nền tảng với một số ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp tiêu dùng; đẩy mạnh công nghiệp chế biến, chuỗi liên kết giá trị. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, nông nghiệp xanh thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

2. Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, trọng tâm là lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, góp phần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp ngoài nhà nước, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc;

3. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế;

4. Quản lý chặt chẽ chi NSNN ngay từ khâu lập dự toán đến tổ chức thực hiện. Thực hiện nghiêm các quy định về tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ về an ninh, quốc phòng;

5. Rà soát, sửa đổi cơ chế điều tiết đối với nguồn thu tiền sử đất giữa các cấp chính quyền địa phương đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh và khuyến khích các địa phương triển khai các dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn;

6. Chấn chỉnh việc lập và thực hiện quy hoạch xây dựng đảm bảo thiết thực, đúng quy định của pháp luật. Xác định nguồn vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; tuân thủ quy định về phân cấp quản lý ngân sách;

7. Rà soát quy trình, tăng cường công tác quản lý đầu tư, sử dụng hạ tầng các dự án đất đầu tư, đất dân cư dịch vụ, dự án đối ứng dự án đầu tư theo hình thức BT;

8. Chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ và các nguồn lực hợp pháp của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

9. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư XDCB, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản,...; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

Phần thứ 3

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023

I. KẾ HOẠCH THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN

Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở dự kiến thu NSNN năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2022, năm 2023:

- Thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) tăng bình quân 10%/năm (Bộ Tài chính quy định 10-11%/năm);
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân 2,5%/năm (Bộ Tài chính quy định 4-5%/năm) do các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Samsung có giá trị xuất, nhập, trao đổi hàng hóa lớn lại hoạt động theo mô hình khu chế xuất, hàng hóa trao đổi trong tập đoàn được miễn thuế.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023
Tổng thu NSNN trên địa bàn	27.839,1	30.235	32.828
1. Thu nội địa	22.319,1	24.635	27.028
- Thu nội địa không kể tiền đất, thu SXKT	18.802,1	20.917	23.009
- Thu tiền sử dụng đất,	3.500,0	3.700	4.000
2. Thu từ hoạt động XNK	5.520,0	5.600	5.800

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

II. KẾ HOẠCH THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ số thu NSNN trên địa bàn theo dự kiến, tỷ lệ điều tiết NSDP được hưởng (Bộ Tài chính hướng dẫn vận áp dụng tỷ lệ điều tiết 83% về NSDP theo thời kỳ ổn định 2017-2021) và dự kiến nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW. Số thu NSDP được hưởng theo phân cấp 03 năm 2021-2023 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023
Tổng thu ngân sách địa phương	19.055,8	21.079,1	23.156,0
1. Thu điều tiết ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	18.692,6	20.659,1	22.656,0
2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	363,2	420,0	500,0

III. KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Lập kế hoạch chi NSDP

- Căn cứ số thu NSDP được hưởng theo phân cấp trên cơ sở quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn lập kế hoạch chi NSDP năm 2022 và năm 2023, theo nguyên tắc đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định), còn lại bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2021-2023.

- Việc lập kế hoạch số bội chi/bội thu, vay và trả nợ của NSDP các năm 2022, 2023 thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

2. Dự kiến chi 2021-2023

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023
A. Tổng chi ngân sách địa phương	19.055,8	22.084,5	23.647,2
1. Chi cân đối ngân sách địa phương	18.692,6	21.664,5	23.147,2
<i>Trong đó</i>			
- Chi đầu tư phát triển	5.886,0	7.339,4	7.361,2
- Chi thường xuyên	10.086,3	10.611,0	11.354,0
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	363,2	420,0	500,0
B. Bội chi, bội thu NSDP			
1. Bội chi ngân sách địa phương	15,0	1014,2	1.000
2. Bội thu ngân sách địa phương	7,4	8,9	508,9

(có phụ lục 03 kèm theo)

Phần thứ 4

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM 2021-2025

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TIỀN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM 2016-2020

1. Kết quả thực hiện

1.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về tài chính - ngân sách nhà nước

Thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, phân cấp quản lý ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND; tỷ lệ điều tiết thực hiện theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019.

Nhìn chung, phân cấp quản lý ngân sách, định mức phân bổ chi ngân sách, tỷ lệ điều tiết thời kỳ 2016 - 2020 phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế xã hội và tổ chức bộ máy hành chính sự nghiệp và khả năng quản lý của mỗi cấp, đã phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành ngân sách các cấp phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua; nguồn thu ngân sách của từng cấp được gắn liền với trách nhiệm quản lý, khai thác nguồn thu, chống thất thu, kích thích các cấp tăng thu ngân sách để đáp ứng nhu cầu chi cho phát triển kinh tế xã hội; nhiệm vụ chi được phân cấp cụ thể gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của từng cấp, từng ngành đã tạo điều kiện cho các đơn vị sử dụng ngân sách hiệu quả hơn, chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Một số nội dung chưa phù hợp do quy định mới, thay đổi phân cấp quản lý tổ chức bộ máy ... đã được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

1.2. Kết quả thu, chi NSNN và xu hướng biến động về quy mô, cơ cấu thu ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương

a) Về thu ngân sách

Tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 là 128.626 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 14,5%/năm. Trong đó, thu hải quan 29.221 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 6,5%/năm; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT 78.997 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 14,6%/năm; thu tiền sử dụng đất 20.057 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 34,2%/năm.

Về cơ cấu thu, năm 2016 thu hải quan chiếm 28,8% tổng thu NSNN trên địa bàn, năm 2020 là 18%; thu tiền sử dụng đất năm 2016 chiếm 6,6% tổng thu NSNN trên địa bàn, năm 2020 là 21%; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT năm 2016 chiếm 60,5 % tổng thu NSNN trên địa bàn, năm 2020 là 62,6%.

Theo khu vực kinh tế: thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 2016 chiếm 29,9% tổng thu NSNN trên địa bàn, chiếm 41,7% thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT; năm 2020 chiếm 28,53% tổng thu NSNN trên địa bàn, chiếm 47,18% thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh năm 2016 chiếm 8,3% tổng thu NSNN trên địa bàn, chiếm 13,1% thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT; năm 2020 chiếm 9,06% tổng thu NSNN trên địa bàn, chiếm 15% thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT.

b) Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP (không bao gồm chi chuyên nguồn) giai đoạn 2016-2020 là 75.047 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 15,3%/năm. Trong đó, chi đầu tư 22.120 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 20,8%/năm; chi thường xuyên 41.951 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 15,3%/năm

Năm 2016, chi đầu tư chiếm 28,5% tổng chi NSDP, năm 2020 là 30,9%; chi thường xuyên chiếm 53,7% tổng chi NSDP, năm 2020 là 53,1%.

1.3. Hiệu quả công tác phân bổ nguồn lực và kiểm soát chi ngân sách

Giai đoạn 2016-2020 công tác phân bổ nguồn lực và kiểm soát chi ngân sách được thực hiện theo quy định về pháp luật ngân sách, đầu tư; đáp ứng yêu cầu phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hình thành các trục giao thông xuyên tâm kết nối giữa các vùng với thủ đô và cả nước; quy hoạch và phát triển các khu, cụm công nghiệp; khu các trường đại học, nhà ở, đô thị, vui chơi giải trí; công trình phúc lợi công cộng; các khu du lịch văn hóa tâm linh, sinh thái... Quan tâm đầu tư hỗ trợ hạ tầng nông thôn đồng bộ với phát triển đô thị hiện đại, đảm bảo 100% xã và các huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới. Bắc Ninh tiếp tục phát triển toàn diện tạo nền tảng trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương.

1.4. Tình hình cân đối ngân sách và việc huy động các nguồn lực bù đắp bội chi ngân sách; thực hiện các chỉ tiêu về quản lý nợ công

Giai đoạn 2016-2020 tỉnh không phát hành trái phiếu chính quyền địa phương mà chỉ vay theo các chương trình Chính phủ vay về cho vay lại thực hiện dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn 115,5 tỷ đồng. Việc thực hiện các chỉ tiêu về quản lý nợ công theo đúng quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý nợ công; bố trí trả nợ lãi và nợ gốc đầy đủ, đúng hạn.

1.5. Cải cách thủ tục hành chính đã được thực hiện mạnh mẽ, hiện đại hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, trọng tâm là lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, góp phần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc

1.6. Kỷ luật, kỷ cương tài chính được giữ vững trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư XDCB, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản,...; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

II. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM 2021-2025

1. Mục tiêu xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm 2020 – 2025

a) Mục tiêu tổng quát

- Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà nước và xã hội phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng của Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX: *“Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững; cơ bản trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo hướng văn minh, hiện đại”*;

- Tiếp tục cơ cấu lại NSNN, nợ công đảm bảo an toàn, bền vững, hiệu quả góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đổi mới khu vực sự nghiệp công, quản lý tài sản công; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường cải cách hành chính, hiện đại hóa gắn liền với việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

b) Mục tiêu phân đầu cụ thể:

- Thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 38.000 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa đạt 31.500 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 đạt 27.747 tỷ đồng.

2. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 từ 7-8%/năm; trong đó công nghiệp và xây dựng tăng 7-8%/năm, dịch vụ tăng 8,3-9,1%/năm, thuế sản phẩm tăng 7,0-7,5%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1-1,2%/năm.

- Đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đến năm 2020 đạt từ 45-47%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng 74%; dịch vụ 19,5%; nông, lâm nghiệp và thủy sản còn 2,3%.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 7.800 -8.200 USD (giá hiện hành); thu nhập bình quân đầu người đạt 130-136 triệu đồng (giá hiện hành).

- Đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 37,7 tỷ USD; nhập khẩu đạt 33,2 tỷ USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP giai đoạn 2021 - 2025 đạt 36-38%; hệ số sử dụng vốn (ICOR) đạt từ 5,8-6,0.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM 2021-2025

1. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả thể chế tài chính, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội;
2. Tiếp tục đổi mới chính sách động viên nguồn lực công, đảm bảo nguồn thu ngân sách thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;
3. Tăng cường hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính – NSNN với quá trình phát triển, tái cơ cấu nền kinh tế;
4. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nợ công phù hợp các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng trả nợ của ngân sách tỉnh;
5. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cùng với đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công;
6. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư XDCB, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

Phần thứ 5

CÁC NỘI DUNG TRÌNH HĐND TỈNH

I. VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NĂM 2020

1. Đề nghị HĐND tỉnh thông qua nội dung điều hành thu, chi ngân sách, sử dụng nguồn dự phòng, xử lý hụt thu năm 2020 như sau:
 - a) Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 152,7 tỷ đồng (*theo phụ lục số 4a kèm theo*)
 - b) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh 1.430 tỷ đồng (*theo phụ lục số 4b kèm theo*);
 - c) Sử dụng nguồn dự toán chưa phân bổ trong dự toán đầu năm 2020 là 1.773 tỷ đồng (*theo phụ lục số 4c kèm theo*);
 - d) Thu hồi về ngân sách tỉnh kinh phí đã giao cho các đơn vị nhưng không thực hiện do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và các khoản theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ 347 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 4d kèm theo*);
 - e) Về xử lý hụt thu năm 2020:
 - Ngân sách cấp tỉnh hụt thu 854 tỷ đồng: Giảm chi tạo nguồn CCTL từ 50% tăng thu dự toán năm 2020 so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định là 427 tỷ đồng; sử dụng nguồn thu hồi dự toán 347 tỷ đồng; giảm một số nội dung chi trong dự toán 2020 chưa phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách 80 tỷ đồng;
 - Ngân sách huyện, xã hụt thu 400 tỷ đồng;
 - + Giảm chi tạo nguồn cải cách tiền lương là 245 tỷ đồng;

+ Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% hụt thu các khoản ngoài quốc doanh tỉnh thu 156 tỷ: Các địa phương có số hụt thu lớn, UBND tỉnh tạm cấp kinh phí để xử lý cân đối, kết thúc năm ngân sách sẽ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh mức hỗ trợ cụ thể;

+ Sử dụng nguồn tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, cắt giảm 70% chi tiêu hội nghị năm 2020 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ; nguồn dự phòng; sử dụng tăng thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư đã cân đối trong dự toán đầu năm 89 tỷ đồng;

g) Xử lý nguồn còn lại năm 2020

- Bổ sung cho các huyện, thành phố thị xã xử lý hụt thu 156 tỷ và thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh, nhiệm vụ giao đầu năm nhưng thiếu kinh phí 196 tỷ đồng (chi tiết theo phụ lục số 4g, 4h);

- Bổ sung cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh: 19,2 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 4f kèm theo*);

- Nguồn còn lại được tiết kiệm chi để chuyển nguồn sang năm 2021. Trong đó, nguồn thuộc lĩnh vực chỉ tiêu pháp lệnh (sự nghiệp khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường) tiếp tục bố trí cho các nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo chỉ tiêu trung ương giao; các nguồn khác để bổ sung vốn đầu tư XDCB trả nợ công trình quyết toán, hỗ trợ các huyện trả nợ quyết toán công trình hạ tầng nông thôn (*chi tiết theo phụ lục số 4f kèm theo*).

II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

1. Dự toán chi ĐTPT

1. Nguồn chi đầu tư XDCB bằng nguồn vốn trong nước 2.140 tỷ đồng được bố trí trả nợ vay đến hạn 7,4 tỷ đồng, còn lại phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công. Trong đó phân bổ cho ngân sách cấp huyện theo phân cấp 200 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn 190 tỷ đồng. UBND cấp huyện có trách nhiệm sử dụng nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn bổ sung mục tiêu theo tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho các huyện, thị xã, thành phố để phân bổ cho các công trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện và bổ sung có mục tiêu cho cấp xã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn theo chính sách của HĐND tỉnh;

2. Nguồn thu điều tiết trong cân đối lớn hơn nhu cầu chi thường xuyên của ngân sách cấp xã 182 tỷ đồng để thực chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn;

3. Sử dụng vốn sự nghiệp để nâng cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; thực hiện một số dự án thuộc đề án thành phố thông minh, chính quyền điện tử; xây dựng bể bơi trong các trường học. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ theo tiến độ thực hiện báo cáo UBND tỉnh bổ sung vốn đầu tư XDCB để phân bổ cho dự án;

4. Giao cơ quan Tài chính phối hợp với cơ quan Thuế, Tài nguyên Môi trường thực hiện việc ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường GPMB của các doanh nghiệp thuê đất, số tiền 40,3 tỷ đồng; ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi dự án đầu tư theo hình thức BT 850 tỷ đồng theo tiến độ thực hiện; ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi bồi thường GPMB, đầu tư hạ tầng dự án đấu giá quyền sử dụng đất, dự án đối ứng dự án đầu tư theo hình thức BT khi được phê duyệt quyết toán.

5. Dự toán chi của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Xây dựng trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản), tăng giá học phí theo quy định của pháp luật;

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo: giao các sở phối hợp với Sở Tài chính xây dựng tiêu thức để phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phù hợp với quy định hiện hành.

6. Kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2021:

- Phân bổ 70% cho Công an tỉnh Bắc Ninh để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2021 theo chức năng nhiệm vụ được giao, bao gồm cả chi phục vụ hoạt động “phạt nguội” đối với các trường hợp vi phạm bị phát hiện qua hệ thống Camera giao thông;

- Phân bổ 30% cho các huyện, thành phố thị xã, mức phân bổ theo tỷ lệ 70% số thu phạt an toàn giao thông của các đơn vị đã nộp vào ngân sách nhà nước năm 2019; còn lại phân bổ cho Ban An toàn giao thông tỉnh.

7. Bố trí nguồn để chi nhiệm vụ chung:

- Bố trí kinh phí chi phục vụ công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp 75 tỷ đồng, khi có kế hoạch, phân công nhiệm vụ sẽ phân bổ chi tiết;

- Một số đề án HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp tháng 12 năm 2020 như chính sách xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề; đề án tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học ...; một số chính sách đã ban hành nhưng kế hoạch triển khai của các ngành chưa đủ cơ sở thẩm định dự toán để phân bổ chi tiết được bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung; căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chế độ chi và điều kiện thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí để tổ chức thực hiện, báo cáo HĐND tỉnh vào kỳ họp gần nhất;

- Một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm 2021 nhưng chưa có kế hoạch chi tiết sẽ bố trí nguồn để chi nhiệm vụ chung, khi có kế hoạch chi tiết UBND tỉnh thực hiện phân bổ đến đơn vị theo nhiệm vụ được giao như diễn tập khu vực phòng

thủ, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ...

8. Bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án của Công an tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương hỗ trợ, Bộ Công an phê duyệt đề án gồm: Đề án Mua trang bị vật tư, phương tiện cho lực lượng Công an xã 20 tỷ đồng; đề án mua sắm trang thiết bị phương tiện kỹ thuật hình sự 40 tỷ đồng từ nguồn chi sự nghiệp an ninh của NSDP;

9. Các huyện, thành phố, thị xã: Trên cơ sở các nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý ngân sách, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và số thu điều tiết ngân sách được hưởng, chủ động xây dựng dự toán chi đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương. Trong đó lưu ý các nhiệm vụ như khoán hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại xã, thôn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng chống bạo lực gia đình; kinh phí xây dựng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO; kinh phí Ban Thanh tra nhân dân; chi bảo vệ, phát triển đất trồng lúa ...các nhiệm vụ khác theo phân cấp tại các văn bản quy định nội dung chi cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo mà các văn bản đó không phải do chính sách mới ban hành kèm theo mức chi cụ thể.

10. Một số nội dung chi liên quan đến số đối tượng tham gia và một số nhiệm vụ không thường xuyên chưa có trong định mức, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu để các huyện, thành phố thực hiện như: kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo; kinh phí chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế; chi phụ cấp và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ ...

11. Một số lĩnh vực không có định mức phân bổ dự toán cố định như chi sự nghiệp giáo dục phụ thuộc quỹ lương; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường phụ thuộc khối lượng rác thải cần vận chuyển, xử lý được xác định theo quỹ lương, khối lượng công việc theo đề án, kế hoạch được phê duyệt;

12. Hỗ trợ thêm mức chi khác của sự nghiệp giáo dục cho các địa phương để đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học;

13. Hỗ trợ các địa phương có quyết định nâng cấp đô thị theo định mức phân bổ của trung ương và thực tế ở địa phương;

14. Bố trí kinh phí đối với một số đề án do tỉnh ban hành: Trong dự toán năm 2021 đã bố trí dự toán để triển khai thực hiện một số đề án tỉnh đã ban hành như: hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng; đề án sửa học đường; thực hiện chính sách trường trọng điểm; kinh phí hợp đồng cho giáo viên và nhân viên nấu ăn theo Công văn số 122/TT.HĐND ngày 06.11.2020 của Thường trực HĐND tỉnh; Kinh phí khai thác, sử dụng bể bơi; Hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Hỗ trợ làng quan họ gốc, làng quan họ

thực hành; Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng HTNT; Cải tạo nhà vệ sinh trong trường học ...

15. Bố trí kinh phí bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước, ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay

- Bố trí 10 tỷ đồng bổ sung cho Quỹ hỗ trợ Nông dân tăng nguồn vốn cho vay;
- Bố trí 50 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội vay theo quy định;
- Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp đến hết năm 2019 đã cấp là 130 tỷ đồng, gồm: chương trình thanh niên khởi nghiệp 60 tỷ đồng, phụ nữ khởi nghiệp 70 tỷ đồng. Do quy mô nguồn vốn lớn, đối tượng cho vay rộng nên tạm dừng việc cấp vốn từ năm 2020 để đánh giá hiệu quả và rà soát các văn bản quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý.

16. Các nội dung khác như dự phòng ngân sách, chi tạo nguồn cải cách tiền lương, trích quỹ dự trữ tài chính ... thực hiện theo đúng chỉ tiêu trung ương giao.

III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023

1. Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở dự kiến thu NSNN năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2022, năm 2023:

- Thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) tăng bình quân 10%/năm (Bộ Tài chính quy định 10-11%/năm);
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân 2,5%/năm (Bộ Tài chính quy định 4-5%/năm) do các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Samsung có giá trị xuất, nhập, trao đổi hàng hóa lớn lại hoạt động theo mô hình khu chế xuất, hàng hóa trao đổi trong tập đoàn được miễn thuế.

2. Kế hoạch chi ngân sách địa phương

- Căn cứ số thu NSDP được hưởng theo phân cấp trên cơ sở quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn lập kế hoạch chi NSDP năm 2022 và năm 2023, theo nguyên tắc đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định), còn lại bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2021-2023.

- Việc lập kế hoạch số bội chi/bội thu, vay và trả nợ của NSDP các năm 2022, 2023 thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

IV. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát: Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà nước và xã hội phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng của Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX: *“Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững; cơ bản trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo hướng văn minh, hiện đại”*;

2. Mục tiêu phấn đấu cụ thể:

- Thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 38.000 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa đạt 31.500 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 đạt 27.747 tỷ đồng.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, CVP.

**TM. UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đào Quang Khải